

THƯỚC CẶP ĐỒNG HỒ SERIES 1201-1202

Starrett®



ĐẶC TÍNH:

Thước cặp đồng hồ Starrett dùng để đo trong, đo ngoài và đo sâu một cách nhanh chóng và chính xác. Thước cặp đồng hồ model 1201 -1202 được chế tạo bằng hợp kim không gỉ. Thước cặp đồng hồ có nhiều kích cỡ cho khách hàng chọn lựa: 150mm, 200mm, 300mm. Kiểu dáng đẹp, độ chia chi tiết giúp việc đo đạc trở nên dễ dàng. Có khóa định vị.

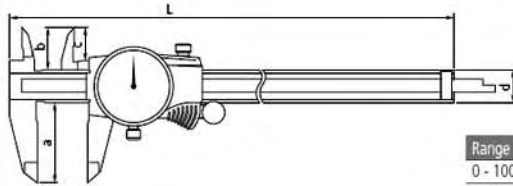
THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Metric/Inch				
Phạm vi đo(metric)	Phạm vi đo(inch)	Model	Mã đặt hàng	Độ chia
0 - 150mm	--	1201M-150	STR-120-005	0.01mm
0 - 200mm	--	1201M-200	STR-120-006	0.01mm
0 - 150mm	--	1202M-150	STR-120-007	0.02mm
0 - 200mm	--	1202M-200	STR-120-008	0.02mm
0 - 300mm	--	1202M-300	STR-120-009	0.02mm

Mitutoyo

ĐẶC TÍNH:

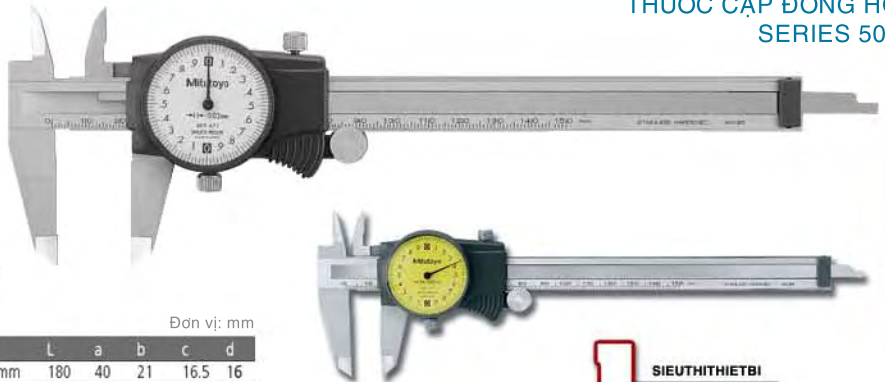
Với thiết kế mới dạng đồng hồ trượt nhẹ nhàng và chống sốc cao. Được làm từ thép không gỉ và chống mài mòn cao. Có thể đo được đường kính trong, ngoài cũng như đo sâu và chi tiết. Đầu kẹp chắc chắn giúp giữ chặt vật cần đo.



Đơn vị: mm

Range	L	a	b	c	d
0 - 100mm	180	40	21	16.5	16
0 - 150mm	231	40	21	16.5	16
0 - 200mm	288	50	24.5	20	16
0 - 300mm	403	64	27.5	22	20

THƯỚC CẶP ĐỒNG HỒ SERIES 505

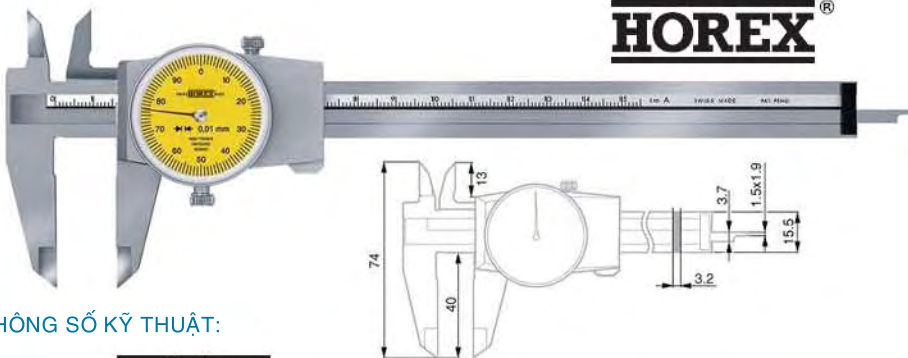


THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Metric					
Phạm vi đo(metric)	Phạm vi đo(inch)	Model	Mã đặt hàng	Độ chia	Độ chính xác
0 - 150mm	--	505-683	MTO-683-008	0.02mm	±0.03mm
0 - 200mm	--	505-684	MTO-684-009	0.02mm	±0.03mm
0 - 300mm	--	505-673	MTO-673-012	0.02mm	±0.04mm
0 - 150mm	--	505-685	MTO-685-010	0.01mm	±0.02mm
0 - 200mm	--	505-686	MTO-686-011	0.01mm	±0.03mm

THƯỚC CẶP ĐỒNG HỒ SERIES 2216

HOREX®



ĐẶC TÍNH:

Được sản xuất theo công nghệ của Đức, với tiêu chuẩn DIN 862, làm từ thép không gỉ, độ chính xác cao. Có khóa định vị, sản phẩm được bảo hành 12 tháng.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

Metric					
Phạm vi đo(metric)	Model	Mã đặt hàng	Chiều dài đầu kẹp	Độ chính xác	Trọng lượng
0 - 100mm	2216 210	PRE-210-007	30mm	±0.05mm	100g
0 - 150mm	2216 212	PRE-212-008	30mm	±0.05mm	150g
0 - 150mm	2216 214	PRE-214-009	30mm	±0.02mm	150g
0 - 150mm	2216 216	PRE-216-010	30mm	±0.01mm	150g
0 - 200mm	2216 218	PRE-218-011	40mm	±0.02mm	200g
0 - 300mm	2216 222	PRE-222-012	50mm	±0.02mm	300g